

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 08 /2022/DS-PT

Ngày: 13 - 01 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán:

Ông Lâm Triệu Hữu

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Có – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DSST ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 216/2021/QĐPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng X; Cư trú tại: Số 114 C3, khu C, thị trấn TÔ, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thanh V. Địa chỉ: số 199, đường A, Khu B, thị trấn TÔ, huyện TÔ. (Văn bản ủy quyền ngày 22/02/2021).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy D; Cư trú tại: Ấp Mỹ P, xã Thiện M, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng X và bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng X trình bày:

Từ ngày 30/01/2020 đến ngày 30/12/2020 chị X cho chị D vay 12 lần tiền, mỗi lần vay chị D đều có ký nhận tiền và điểm chỉ vào văn bản, lãi suất hai bên thỏa thuận 2%/tháng. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 30/01/2020, chị D vay số tiền 60.000.000 đồng;

Lần 2: Ngày 30/02/2020, chị D vay số tiền 40.000.000 đồng;

Lần 3: Ngày 04/4/2020, chị D vay số tiền 50.000.000 đồng;

Lần 4: Ngày 28/4/2020, chị D vay số tiền 50.000.000 đồng (trong đó tiền lãi đợt 1: 1.200.000 đồng, đợt 2 là: 2.000.000 đồng, đợt 3 là 3.000.000 đồng, cộng lãi 6.200.000 đồng, chị giao tiền mặt chị D nhận 43.800.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi 50.000.000 đồng). Biên nhận ghi cộng bốn lần vay trước sau 200.000.000 đồng;

Lần 5: Ngày 28/5/2020, chị D vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng (trong đó lãi của số tiền 200.000.000 đồng là 4.000.000 đồng lãi, chị giao tiền mặt chị D nhận 46.000.000 đồng, cộng vốn, lãi là 50.000.000 đồng). Biên nhận ghi cộng tiền vay đến thời điểm này là 250.000.000 đồng;

Lần 6: Ngày 29/6/2020, chị D vay tiếp số tiền vốn 50.000.000 đồng, Biên nhận ghi cộng tiền vay đến thời điểm này là 300.000.000 đồng;

Lần 7: Ngày 29/7/2020, chị D vay tiếp số tiền vốn 40.000.000 đồng. Biên nhận ghi cộng tiền vay đến thời điểm này là 340.000.000 đồng;

Lần 8: Ngày 30/8/2020, chị D vay tiếp số tiền vốn 35.000.000 đồng. Biên nhận ghi cộng tiền vay đến thời điểm này là 375.000.000 đồng;

Lần 9: Ngày 30/9/2020, chị D vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng (trong đó có cán trừ 5.000.000 đồng tiền chị X tính nhầm lần trước, chị X đưa tiền mặt cho chị D nhận 25.000.000 đồng). Biên nhận ghi cộng tiền vay đến thời điểm này là 400.000.000 đồng;

Tổng cộng 9 lần vay số tiền vốn là 400.000.000 đồng.

Lần 10: Ngày 30/10/2020, chị D vay tiếp số tiền 37.400.000 đồng (trong đó tiền lãi của lần 5: 5.000.000 đồng, tiền lãi lần 6: 6.000.000 đồng, tiền lãi lần 7: 6.800.000 đồng, tiền lãi lần 8: 7.500.000 đồng, tiền lãi lần 9: 8.000.000 đồng, tổng cộng tiền lãi 33.300.000 đồng), chị X giao tiền mặt chị D nhận là 4.100.000 đồng. Biên nhận ghi cộng tiền vay đến thời điểm này là 437.400.000 đồng. Chị X chỉ yêu cầu chị D trả vốn 4.100.000 đồng.

Lần 11: Ngày 30/11/2020, chị D vay tiếp số tiền 35.900.000 đồng (trong đó tiền lãi lần 10 là 8.748.000 đồng), chị X giao tiền mặt chị D nhận là 27.152.000 đồng. Biên nhận ghi cộng tiền vay đến thời điểm này là 473.300.000 đồng. Chị X chỉ yêu cầu chị D trả vốn 27.152.000 đồng.

Lần 12: Ngày 30/12/2020, chị D vay tiếp số tiền 37.864.000 đồng (trong đó tiền lãi của lần thứ 11 là 9.466.000 đồng), chị X giao tiền mặt cho chị D nhận là

28.398.000 đồng. Biên nhận ghi tổng số tiền 511.164.000 đồng. Chị X chỉ yêu cầu chị D trả vốn 28.398.000 đồng.

Tổng cộng tiền vay 12 lần gồm vốn là 459.650.000 đồng. Chị D chưa trả tiền vốn và tiền lãi cho chị X. Chị X yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/ tháng từ ngày 30/01/2021 đến ngày 12/10/2021 bằng 09 tháng 12 ngày bằng số tiền 71.723.768 đồng. Tổng cộng vốn, lãi yêu cầu 531.610.560 đồng.

Khi vay, chị D có thể chấp cho chị 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 027255, thửa 157, tờ bản đồ số 8, diện tích 639,2 m², tọa lạc tại ấp Mỹ P, xã Thiện M, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Thúy D đứng tên quyền sử dụng đất.

Chị có yêu cầu chị D trả nợ nhiều lần nhưng phía chị D không thực hiện. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị D trả lại số tiền vay vốn là 459.650.000 đồng và tính lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từng lần vay tại thời điểm vay đến ngày 12/10/2021 là 71.723.786 đồng, tổng cộng vốn, lãi 531.373.700 đồng. Nguyên đơn đồng ý trả lại cho chị D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị D đứng tên.

Tại bản tự khai ngày 01/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy D trình bày: Chị thừa nhận vào ngày 30/01/2020 chị có vay tiền của chị X nhiều lần, theo thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng nhưng thực tế chị trả lãi cho chị X 8%/tháng, chị có thể chấp quyền sử dụng đất cho chị X, cụ thể như sau:

1. Lần nhất: Ngày 30/01/2020, chị có vay của chị X số tiền 60.000.000 đồng, có làm biên nhận.

2. Lần hai: Ngày 30/02/2020 chị có vay tiếp chị X số tiền vốn 35.200.000 đồng và tính lãi lần 1 trên số tiền vay 60.000.000 đồng là 4.800.000 đồng, tổng cộng 40.000.000 đồng, có ký biên nhận. Cộng hai lần là 100.000.000 đồng.

3. Lần ba: Ngày 04/4/2020, chị có vay thêm chị X số tiền vốn 42.000.000 đồng, tiền lãi trên số tiền 100.000.000 đồng là 8.000.000 đồng tiền, cộng vốn, lãi là 50.000.000 đồng, có ký biên nhận. Cộng ba lần vay là 150.000.000 đồng.

4. Lần tư: Ngày 28/4/2020, chị có vay tiếp số tiền 38.000.000 đồng và lãi số tiền 150.000.000 đồng là 12.000.000 đồng, cộng vốn, lãi là 50.000.000 đồng, có ký biên nhận. Cộng bốn lần vay trước sau 200.000.000 đồng.

5. Lần năm: Ngày 28/5/2020, chị có vay tiếp chị X số tiền 34.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền vay 200.000.000 đồng là 16.000.000 đồng, cộng vốn, lãi là 50.000.000 đồng, có ký biên nhận. Cộng tiền vay đến thời điểm này là 250.000.000 đồng.

6. Lần sáu: Ngày 29/6/2020, chị có vay tiếp số tiền vốn 30.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền vay 250.000.000 đồng là 20.000.000 đồng, cộng vốn, lãi là 50.000.000 đồng, có ký biên nhận. Cộng tiền vay đến thời điểm này là 300.000.000 đồng, có ký biên nhận. Cộng tiền vay đến thời điểm này là 300.000.000 đồng.

7. Lần bảy: Ngày 29/7/2020, chị có vay thêm số tiền vốn 16.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền vay 300.000.000 đồng là 24.000.000 đồng, cộng vốn, lãi là 40.000.000 đồng, có ký biên nhận. Cộng tiền vay đến thời điểm này là 340.000.000 đồng.

Từ lần thứ tám đến lần thứ 12 chị không có vay thêm chị X tiền vốn mà chị X tính lãi nhập vốn. Tổng số tiền vốn chị nhận từ chị X là 255.000.000 đồng.

Chị X có tính vốn, lãi ra giấy và chụp lại gửi zalo cho chị với nội dung: Từ tháng 1 đến tháng 9 bằng 400.000.000 đồng. Tháng 10 không lấy thêm đến tháng 1 là 4 tháng, mỗi tháng lời 32.000.000 đồng x 4 tháng bằng 128.000.000 đồng + vốn tháng 9 : 400.000.000 đồng, tổng 528.000.000 đồng, tính tới 30.01.2021. Cho nên chị mới biết chị X tính lãi từ lúc vay là 8%/tháng chứ không phải 2%/tháng như thỏa thuận.

Nay chị đồng ý trả cho chị X số tiền vay vốn 255.000.000 đồng và tiền lãi 95.000.000 đồng, tổng cộng vốn lãi 350.000.000 đồng và yêu cầu chị X trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị.

Tại án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DSST ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 122, 123 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng X.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị Thúy D có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Hồng X số tiền vay vốn, lãi 498.781.600 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong người phải thi hành án dân sự chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa chị X và chị D, buộc chị X có trách nhiệm trả cho chị D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 027255, thửa 157, tờ bản đồ số 8, diện tích 639,2 m², tọa lạc ấp Mỹ P, xã Thiện M, huyện Tô, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Thị Thúy D đứng tên quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng X có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu chị D phải có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền vốn của 12 lần vay là 459.650.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 30/01/2021 đến ngày 12/10/2021 bằng số tiền 71.723.786 đồng. Tổng cộng vốn, lãi bằng 531.373.786 đồng.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy D có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu xác định tiền vốn vay từ tháng 01/2020 đến tháng 7/2020 là 255.000.000 đồng và đồng ý trả lãi cho chị X số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền chị đã đóng lãi cho số tiền vay trên chị X tính lãi 8%/tháng nhưng chị X chỉ thừa nhận 2%/ tháng là thuộc trường hợp tranh chấp lãi suất nên chị D đề nghị xác định lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/ năm tương đương 0,83%/ tháng. Yêu cầu chị X trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng X, người đại diện theo ủy quyền của chị X là anh V và bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy D thống nhất xác định số tiền vốn chị D nợ chị X từ ngày 30/01/2020 đến ngày 30/12/2020 theo 12 biên nhận nợ các bên đã xác lập với tổng số tiền là 400.000.000 đồng. Về tiền lãi chị X yêu cầu chị D trả lãi từ ngày 30/01/2021 đến ngày 12/10/2021 bằng số tiền 55.000.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi bằng 455.000.000 đồng. Chị D đồng ý trả vốn lãi theo yêu cầu của chị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa một phần bản án sơ thẩm.

Buộc chị D trả cho chị X tiền vốn, lãi bằng 455.000.000 đồng.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào năm 2020, chị Nguyễn Thị Thúy D vay tài sản nhiều lần của chị Nguyễn Thị Hồng X, khi vay chị D có lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 027255, thửa 157, tờ bản đồ số 8, diện tích 639,2 m², tọa lạc ấp Mỹ P, xã Thiện M, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Thị Thúy D đứng tên quyền sử dụng đất để đảm bảo cho số tiền vay.

Theo chị X trình bày từ ngày 30/01/2020 đến ngày 30/12/2020 chị X cho chị D vay 12 lần tiền, mỗi lần vay chị D đều có ký nhận tiền và điểm chỉ vào văn bản, lãi suất hai bên thỏa thuận 2%/tháng. Tổng cộng tiền vay 12 lần gồm vốn là 459.650.000 đồng. Chị D chưa trả tiền vốn và tiền lãi cho chị X. Chị X yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/ tháng từ ngày 30/01/2021 đến ngày 12/10/2021 bằng 09 tháng 12 ngày bằng số tiền 71.723.768 đồng. Tổng cộng vốn, lãi yêu cầu 531.610.560 đồng. Còn chị D thì cho rằng từ ngày 30/01/2020 đến ngày 29/7/2020 chị có vay chị X bảy lần tiền với tổng số tiền gốc là 255.000.000 đồng. Từ lần thứ tám đến lần thứ 12 chị không có vay thêm chị X tính tiền lãi nhập vốn và buộc chị ký nhận. Hai bên thỏa thuận lúc vay lãi 2%/ tháng nhưng khi chị X cộng lãi, vốn chụp Zalo gửi thì chị phát hiện số tiền chị vay từ ngày 30/01/2020 đến ngày 29/7/2020 chị X tính lãi 8%/tháng. Nay chị D yêu cầu xác định chị còn nợ vốn chị X là 255.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo quy định 0,83%/ tháng đối với số tiền trên.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng X, người đại diện theo ủy quyền của chị X là anh V và bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy D thống nhất xác định số tiền vốn chị D nợ chị X từ ngày 30/01/2020 đến ngày 30/12/2020 theo 12 biên nhận nợ các bên đã xác lập với tổng số tiền là 400.000.000 đồng. Về tiền lãi chị X yêu cầu chị D trả lãi từ ngày 30/01/2021 đến ngày 12/10/2021 bằng số tiền 55.000.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi bằng 455.000.000 đồng. Chị D đồng ý trả vốn lãi theo yêu cầu của chị D.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Án phí sơ thẩm: Chị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị D phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho chị X là 455.000.000 đồng x 5% = 22.750.000 đồng.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Số tiền chị X nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 12.632.000 đồng theo biên lai thu số 16771, ngày 23/02/2021 và số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 14080, ngày 26/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long sẽ được hoàn trả cho chị X.

Số tiền chị D nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 14054, ngày 25/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc chị D nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.450.000 đồng.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về nghĩa vụ tiếp tục trả lãi từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất 0,83%/tháng và vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa chị X và chị D, buộc chị X

có trách nhiệm trả cho chị D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 027255, thửa 157, tờ bản đồ số 8, diện tích 639,2 m², tọa lạc ấp Mỹ P, xã Thiện M, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Thị Thúy D đứng tên quyền sử dụng đất không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 300; khoản 2, Điều 308 và Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng X và một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy D. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DSST ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 122, 123 của Bộ luật dân sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2019- NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng X về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy D trả tiền vốn, lãi vay.

Buộc chị Nguyễn Thị Thúy D có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Hồng X số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi 55.000.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi 455.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.750.000 đồng. Chị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Số tiền chị X nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 12.632.000 đồng theo biên lai thu số 16771, ngày 23/02/2021 và số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 14080, ngày 26/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long sẽ được hoàn trả cho chị X.

Số tiền chi D nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 14054, ngày 25/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc chi D nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.450.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm năm chục ngàn đồng).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về nghĩa vụ tiếp tục trả lãi từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất 0,83%/tháng và vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa chi X và chi D, buộc chi X có trách nhiệm trả cho chi D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 027255, thửa 157, tờ bản đồ số 8, diện tích 639,2 m², tọa lạc ấp Mỹ P, xã Thiện M, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Thị Thúy D đứng tên quyền sử dụng đất không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.TÔ: 01;
- VKSND H.TÔ: 01;
- Chi Cục THADS H.TÔ: 01;
- Dương sự: 03;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Sơn Nữ Phà Ca